

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(đã được soát xét)

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 - 05
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	06 - 46
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 - 46



## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương tiền thân là Công ty Cổ phần Xây dựng - Thương mại Bảo Long, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0403000464 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 24 tháng 7 năm 2006, đăng ký chứng nhận doanh nghiệp thay đổi lần thứ mười hai số 0800308870 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 28 tháng 07 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 4 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội.

Văn phòng giao dịch: Tầng 3 tòa nhà VNT, số 19 Nguyễn Trãi, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Hà Trọng Nam	Chủ tịch	
Bà: Nguyễn Thị Lan Hương	Thành viên	
Bà: Nguyễn Thanh Hương	Thành viên	
Ông: Lê Đình Vinh	Thành viên	(Từ ngày 13/12/2016 đến ngày 29/4/2017)
Bà: Nguyễn Thị Dung	Thành viên	
Bà: Đỗ Thị Tú Chi	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 17 tháng 06 năm 2017)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà: Nguyễn Thị Lan Hương	Tổng Giám đốc
--------------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông: Vũ Xuân Dương	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 27 tháng 07 năm 2017)
Ông: Lê Anh Dũng	Trưởng ban	(Từ nhiệm ngày 12 tháng 06 năm 2017)
Ông: Trương Thanh Tùng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 17 tháng 06 năm 2017)
Bà: Vũ Thị Ngọc Lan	Thành viên	

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **Cam kết khác**

Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

**Nguyễn Thị Lan Hương**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2017

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương được lập ngày 29 tháng 08 năm 2017, từ trang 06 đến trang 46, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

- Tại ngày 30/06/2017, Công ty đang ghi nhận một khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Du lịch và Xúc tiến Đầu tư (“Viptour”) với số tiền 40.600.000.000 VND về đặt cọc để nhận chuyển nhượng 4.055.800 cổ phần của Công ty Cổ phần Viptour-Togi, trong đó bao gồm số tiền 18.714.461.700 VND trong tài khoản đồng sở hữu giữa Công ty và Viptour, Công ty đang làm việc với Viptour về việc thu hồi khoản ứng trước 21.885.538.300 VND còn lại. Đồng thời Công ty có khoản phải thu Công ty TNHH VNT (“VNT”) sau khi trích lập dự phòng là 145.561.692.501 VND, tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty đang làm việc với VNT để thu hồi khoản phải thu này. Chúng tôi chưa có đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi của khoản phải thu và ứng trước này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không. Chi tiết xem thuyết minh số 06 và 08 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
- Tại ngày 30/06/2017, Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang cho Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Trảng Tiền Nha Trang với số tiền gốc là: 162.200.000.000 VND và lãi phát sinh tương ứng là 35.552.260.551 VND. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban lãnh đạo Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang đang đánh giá khả năng thu hồi các khoản này. Do đó chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không. Chi tiết xem thuyết minh số 07 và số 08 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

- Tại ngày 30/06/2017, Công ty mẹ và các Công ty con đang trình bày khoản Cho vay ngắn hạn, Phải thu khác và khoản Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác sau khi trích lập dự phòng là 217.920.801.814 VND (Chi tiết tại Thuyết minh số 04d (i), Thuyết minh số 07 (2), Thuyết minh số 08 (i) và Thuyết minh số 09(i) của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Hiện tại, Công ty chưa thu thập được căn cứ để xác định số dự phòng cần trích lập. Bằng các thủ tục soát xét đã thực hiện, chúng tôi không thể xác định liệu có phải cần thiết điều chỉnh số dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư này trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty hay không.

### **Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Tại thời điểm 30/06/2017, Công ty CP Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư (IOC) - Công ty con của Công ty có các khoản nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn và lỗ lũy kế lớn có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của IOC. Tuy nhiên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục của IOC do Ban Giám đốc Công ty IOC tin tưởng rằng sẽ cơ cấu lại thời hạn trả nợ với tổ chức tín dụng dựa trên nguồn thu của hoạt động kinh doanh và tiếp tục nhận được sự hỗ trợ của cổ đông, nhà đầu tư. Kết luận ngoại trừ nêu trên của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.



**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**

**Cát Thị Hà**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0725-2013-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2017

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.445.968.186.058</b>	<b>1.456.718.458.886</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	200.962.233.786	181.532.789.414
111	1. Tiền		75.162.233.786	72.354.364.483
112	2. Các khoản tương đương tiền		125.800.000.000	109.178.424.931
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	22.000.093.200	14.500.093.200
121	1. Chứng khoán kinh doanh		172.559	172.559
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(79.359)	(79.359)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		22.000.000.000	14.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		927.551.652.266	959.769.369.521
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	50.895.912.769	58.002.297.800
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	259.086.786.452	280.805.338.815
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	07	232.927.733.073	232.927.733.073
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	08	936.576.686.581	914.391.765.506
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(555.910.926.683)	(530.173.140.351)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý	09	3.975.460.074	3.815.374.678
140	IV. Hàng tồn kho	11	267.985.354.849	276.502.349.675
141	1. Hàng tồn kho		267.985.354.849	276.502.349.675
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		27.468.851.957	24.413.857.076
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	10.174.697.546	8.419.386.058
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		8.322.990.182	6.384.827.517
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	20	8.971.164.229	9.609.643.501

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017*  
*(tiếp theo)*

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.877.504.762.277</b>	<b>1.932.169.206.946</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>2.202.801.726</b>	<b>1.763.765.362</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	08	507.670.285.290	508.018.848.926
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(505.467.483.564)	(506.255.083.564)
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>1.280.180.028.258</b>	<b>1.302.022.082.632</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	1.210.624.087.655	1.231.300.549.655
222	- Nguyên giá		1.595.675.879.416	1.584.211.884.043
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(385.051.791.761)	(352.911.334.388)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	69.555.940.603	70.721.532.977
228	- Nguyên giá		75.283.818.730	75.283.818.730
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.727.878.127)	(4.562.285.753)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>173.105.598.415</b>	<b>177.802.529.682</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	173.105.598.415	177.802.529.682
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>04</b>	<b>169.388.926.074</b>	<b>175.596.364.548</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		20.882.657.409	20.745.475.943
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		182.067.900.000	182.067.900.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(36.561.631.335)	(27.217.011.395)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		3.000.000.000	-
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>252.627.407.804</b>	<b>274.984.464.722</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	70.783.735.995	74.873.326.815
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	35	843.643.063	1.458.066.033
269	3. Lợi thế thương mại	16	181.000.028.746	198.653.071.874
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>3.323.472.948.335</b>	<b>3.388.887.665.832</b>

S.Đ.K.K.N



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	30/06/2017		01/01/2017	
		VND		VND	
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>2.286.062.297.090</b>		<b>2.293.872.562.414</b>	
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>1.546.625.213.360</b>		<b>1.568.948.196.438</b>	
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	52.441.416.426		51.306.257.577
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	28.059.627.205		51.709.947.540
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	168.344.820.420		155.830.322.826
314	4. Phải trả người lao động		14.343.265.943		10.674.260.939
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	203.540.150.196		447.430.018.245
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		4.090.283.490		2.897.439.515
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	501.843.010.618		273.818.967.498
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	565.198.133.630		571.354.877.332
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		20.832.200		-
322	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi		8.743.673.232		3.926.104.966
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>739.437.083.730</b>		<b>724.924.365.976</b>	
331	1. Phải trả người bán dài hạn	18	5.600.851.875		-
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn	19	101.672.849.093		101.672.849.093
337	3. Phải trả dài hạn khác	22	174.902.858.236		163.530.704.132
338	4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	352.341.531.142		361.403.449.503
341	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	35	104.918.993.384		98.317.363.248
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>1.037.410.651.245</b>		<b>1.095.015.103.418</b>	
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>23</b>	<b>1.037.410.651.245</b>	<b>1.095.015.103.418</b>	
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		2.000.000.000.000		2.000.000.000.000
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		2.000.000.000.000		2.000.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		18.292.702.188		17.984.462.955
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		6.329.814.592		6.329.814.592
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(1.032.532.684.424)		(974.155.014.240)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(990.811.994.056)		(827.651.732.844)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		(41.720.690.367)		(146.503.281.396)
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		45.320.818.889		44.855.840.111
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>3.323.472.948.335</b>		<b>3.388.887.665.832</b>	

Người lập biểu

Trần Huy Dũng

Kế toán trưởng

Phạm Lương Hoàng



Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2017

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Lan Hương

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	400.204.865.037	378.777.579.323
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26	1.109.026.453	540.534.947
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		399.095.838.584	378.237.044.376
11	4. Giá vốn hàng bán	27	240.071.508.582	243.588.869.249
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		159.024.330.002	134.648.175.127
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28	5.962.789.749	14.584.657.775
22	7. Chi phí tài chính	29	43.513.347.833	92.723.249.757
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		43.973.608.425	61.952.436.708
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		137.181.466	-
25	9. Chi phí bán hàng	30	40.017.785.054	46.197.177.057
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	95.227.558.375	73.139.077.345
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(13.634.390.045)	(62.826.671.257)
31	12. Thu nhập khác	32	423.060.730	1.186.457.282
32	13. Chi phí khác	33	11.435.379.673	11.684.608.538
40	14. Lợi nhuận khác		(11.012.318.943)	(10.498.151.256)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(24.646.708.988)	(73.324.822.513)
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34	8.536.505.886	8.062.814.846
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	35	4.866.053.106	17.055.474.574
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(38.049.267.980)	(98.443.111.933)
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		(41.720.690.364)	(103.923.764.064)
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		3.671.422.384	5.480.652.131
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	36	(209)	(520)

Người lập biểu



Trần Huy Dũng

Kế toán trưởng



Phạm Lương Hoàng



Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Lan Hương

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(24.646.708.988)	(73.324.822.513)
	2. Điều chỉnh cho các khoản		117.520.120.682	150.420.174.948
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		53.099.200.144	65.079.504.688
03	- Các khoản dự phòng		24.315.638.472	37.120.417.370
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.868.326.359)	(13.732.183.818)
06	- Chi phí lãi vay		43.973.608.425	61.952.436.708
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		92.873.411.694	77.095.352.435
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(15.618.055.581)	(57.007.108.707)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		2.884.776.643	(1.809.599.747)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		8.447.202.193	84.974.542.861
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		2.334.279.332	(1.460.365.630)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(17.879.517.398)	(9.217.506.168)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(9.116.051.164)	(7.850.992.975)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.215.383.690)	(1.963.918.443)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		62.710.662.029	82.760.403.626
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(21.221.484.259)	(49.296.011.420)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		262.727.273	812.217.089
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(13.500.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		3.000.000.000	4.147.266.927
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	7.050.423.000
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.396.201.392	14.193.261.718
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(28.062.555.594)	(23.092.842.686)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(15.218.662.063)	(52.998.438.766)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(15.218.662.063)	(52.998.438.766)

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã CHỈ TIÊU số	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	19.429.444.372	6.669.122.174
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	181.532.789.414	142.508.091.961
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03 200.962.233.786	149.177.214.135

Người lập biểu

Trần Huy Dũng

Kế toán trưởng

Phạm Lương Hoàng

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Lan Hương

103  
TY  
KH  
TOA  
HA

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương tiền thân là Công ty Cổ phần Xây dựng - Thương mại Bảo Long, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0403000464 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 24 tháng 7 năm 2006, đăng ký chứng nhận doanh nghiệp thay đổi lần thứ mười hai số 0800308870 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 28 tháng 07 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 4 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội.

Văn phòng giao dịch: Tầng 3 tòa nhà VNT, số 19 Nguyễn Trãi, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 2.000.000.000.000 đồng; tương đương 200.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

**Lĩnh vực kinh doanh:** Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ Du lịch - Nhà hàng - Khách sạn.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Dịch vụ tư vấn, quản lý, quảng cáo bất động sản;
- Kinh doanh bất động sản;
- Cho thuê nhà xưởng, văn phòng, nhà ở và kho bãi;
- Đầu tư và xây dựng hạ tầng, nhà ở, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

- Tại thời điểm 30/06/2017, Công ty CP Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư (IOC) và Công ty CP Du lịch Khách sạn Suối Mơ (Suối Mơ) - các Công ty con của Công ty có các khoản nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn và lỗ lũy kế lớn ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của các Công ty con này. Tuy nhiên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của các Công ty con này vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục do Ban Giám đốc của các Công ty con tin tưởng rằng hoạt động của Công ty IOC và Công ty Suối Mơ trong tương lai sẽ có nguồn thu từ hoạt động kinh doanh và tiếp tục nhận được cung cấp tài chính từ các tổ chức tín dụng cũng như các cổ đông và nhà đầu tư.
- Trong 6 tháng đầu năm 2017, hoạt động kinh doanh khách sạn StarCity Nha Trang tại Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang - Công ty con của Công ty đã đi vào ổn định, dẫn đến lãi gộp của Công ty kỳ này tăng đáng kể so với kỳ trước.

**Cấu trúc tập đoàn**

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2017 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết (*)	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư	Quảng Nam	95,62%	74,00%	Kinh doanh khách sạn
Công ty CP Du lịch Khách sạn Suối Mơ	Quảng Ninh	83,00%	83,00%	Kinh doanh khách sạn
Công ty CP Tân Việt	Nha Trang	51,42%	51,42%	Kinh doanh khách sạn
Công ty CP Bánh Givral	Hồ Chí Minh	99,68%	98,00%	Sản xuất, kinh doanh các loại
Công ty CP Viptour Togi	Hà Nội	80,00%	80,00%	Kinh doanh khách sạn
Công ty CP Truyền thông Đại Dương	Hà Nội	94,00%	94,00%	Truyền thông
Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang	Nha Trang	100,00%	100,00%	Kinh doanh khách sạn
Công ty Cổ phần Kem Tráng Tiên (Công ty con của Công ty CP Bánh Givral)	Hà Nội	78,15%	76,83%	Sản xuất, kinh doanh các loại bánh, kem

(\*) Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty CP Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương trong Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư và Công ty CP Bánh Givral được xác định theo tỷ lệ vốn cam kết góp của Công ty.

- Công ty có các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2017 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Fafilm Việt Nam	Hà Nội	21%	21%	Sản xuất, xuất nhập khẩu phim

## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

### 2.4. Công cụ tài chính

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.5. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

## 2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.7. Các khoản đầu tư tài chính

*Chứng khoán kinh doanh* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết* mua trong năm được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và "Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết". Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.8. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.



Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn thanh toán, hoặc dự kiến tổn thất có thể xảy ra. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.10. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm
- Các tài sản khác	04 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất/ Quyền đầu tư dự án	30 - 39,5 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm
- Tài sản cố định vô hình khác	03 - 10 năm

## 2.11. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.12. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## 2.13. Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

## 2.14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

## 2.15. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 2.16. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

## 2.17. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.18. Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu bán bất động sản, quyền kinh doanh bất động sản*

Doanh thu bán bất động sản, quyền kinh doanh bất động sản

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## 2.19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì Công ty ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì Công ty ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

## 2.20. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

## 2.21. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

## 2.23. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	8.619.821.766	6.142.146.261
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	66.220.728.314	66.070.898.845
Tiền đang chuyển	321.683.706	141.319.377
Các khoản tương đương tiền (*)	125.800.000.000	109.178.424.931
	<b><u>200.962.233.786</u></b>	<b><u>181.532.789.414</u></b>

(\*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30/06/2017 phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 1 tháng đến 3 tháng tại các Ngân hàng Thương mại.

### 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

#### a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	22.000.000.000	22.000.000.000	14.500.000.000	14.500.000.000
Đầu tư dài hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-
	<b><u>25.000.000.000</u></b>	<b><u>25.000.000.000</u></b>	<b><u>14.500.000.000</u></b>	<b><u>14.500.000.000</u></b>

(\*) Tại ngày 31/12/2016, Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 12 tháng tại các Ngân hàng Thương mại.

#### b) Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
+ Công ty Cổ phần Thủy Sản Hùng Vương	172.559	(79.359)	172.559	(79.359)
	<b><u>172.559</u></b>	<b><u>(79.359)</u></b>	<b><u>172.559</u></b>	<b><u>(79.359)</u></b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

c) Đầu tư vào công ty liên kết

		30/06/2017	01/01/2017
Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích và Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu VND	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu VND
- Công ty CP Fafim Việt Nam	Hà Nội 21,17%	20.882.657.409	20.745.475.943
		<b>20.882.657.409</b>	<b>20.745.475.943</b>

d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2017		01/01/2017		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	
- Công ty CP Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng (Cotec)	11.616.900.000	-	11.616.900.000	-	
- Công ty CP Kính mắt Hà Nội	11.430.000.000	(9.466.559.357)	11.430.000.000	(9.466.559.357)	
- Công ty CP Đầu tư Đại Dương Thăng Long (i)	74.241.000.000	(4.843.938.550)	74.241.000.000	(5.499.318.610)	
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Vneco Hà Nội (i)	22.000.000.000	(22.000.000.000)	22.000.000.000	(12.000.000.000)	
- Công ty CP truyền thông TV Shopping (i)	11.250.000.000	-	11.250.000.000	-	
- Công ty CP Công ty CP Tài chính và Đầu tư Gia Phát (i)	50.000.000.000	-	50.000.000.000	-	
- Các khoản đầu tư khác (i)	1.530.000.000	(251.133.428)	1.530.000.000	(251.133.428)	
		<b>182.067.900.000</b>	<b>(36.561.631.335)</b>	<b>182.067.900.000</b>	<b>(27.217.011.395)</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2017	01/01/2017	
	VND	VND	
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn			
- Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Dương	4.356.474.461	4.054.813.629	
- Công ty CP Thương mại Mika (*)	6.647.496.885	8.389.042.438	
- Cửa hàng 236 Khánh Hội	4.986.662.357	6.707.511.445	
- Các khoản phải thu khách hàng khác	34.905.279.066	38.850.930.288	
		<b>50.895.912.769</b>	<b>58.002.297.800</b>
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	<b>4.889.642.202</b>	<b>4.099.766.065</b>	
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 43)</i>			

(\*) Đây là khoản phải thu Công ty Cổ phần Thương mại MIKA - đối tác chính của Công ty CP Kem Tráng Tiên phát sinh trước năm 2013 về tiền bán hàng cho đối tác này trong các năm 2011 và 2012. Tại thời điểm 30/06/2017 khoản công nợ này đã trích dự phòng 100% theo tuổi nợ.

## 6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị -VND	Dự phòng VND
- Công ty TNHH Du lịch và Xúc tiến Đầu tư nay là Công ty Cổ phần Du lịch và Xúc tiến Đầu tư (1)	40.600.000.000	-	40.600.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà tại Công ty con Sao Hôm Nha Trang (2)	138.324.122.712	-	138.324.122.712	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà tại Công ty con Viptour - Togi	43.284.161.557	-	43.284.161.557	-
- Các khoản trả trước người bán khác	36.878.502.183	-	58.597.054.546	-
	<b>259.086.786.452</b>	<b>-</b>	<b>280.805.338.815</b>	<b>-</b>

(1) Đây là khoản đặt cọc theo hợp đồng số 05/HĐCN/OCH-VIPTOUR ngày 16/05/2012 để nhận chuyển nhượng 4.055.800 cổ phần của Công ty CP Viptour - Togi ("Viptour"), Công ty con của Công ty, trong đó bao gồm số tiền: 18.714.461.700 đồng trong tài khoản đồng sở hữu giữa Công ty và Viptour mở tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank). Tại ngày 30/08/2016, Công ty đã có biên bản làm việc với Công ty Viptour về việc đồng ý sẽ chấm dứt hợp đồng chuyển nhượng, Công ty Viptour có trách nhiệm hoàn trả lại tiền, sử dụng toàn bộ cổ phiếu của Công ty CP Viptour - Togi làm tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ trả tiền của Viptour.

(2) Khoản ứng trước cho nhà thầu thi công Công trình Khách sạn StarCity Nha Trang đã hoàn thành và đưa vào hoạt động kinh doanh từ ngày 01/01/2016. Hiện nay, Công ty đang khẩn trương đơn đốc quyết toán với tổng thầu - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà và các nhà thầu khác có liên quan.

## 7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Công ty CP Tập đoàn Đại Dương	34.727.733.073	34.727.733.073
- Công ty TNHH TM và Du lịch Trảng Tiền Nha Trang (1)	162.200.000.000	162.200.000.000
- Công ty TNHH VNT (2)	28.600.000.000	28.600.000.000
- Các khoản cho vay khác	7.400.000.000	7.400.000.000
	<b>232.927.733.073</b>	<b>232.927.733.073</b>

(1) Phản ánh khoản tiền Công ty TNHH Một thành viên Sao Hôm Nha Trang chuyển cho Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Trảng Tiền Nha Trang vay. Ban lãnh đạo Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang đang làm việc với Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Trảng Tiền Nha Trang và các bên có liên quan để có biện pháp đơn đốc, thu hồi đối với khoản công nợ nêu trên. Khoản lãi phải thu tương ứng với số dư nợ gốc này được theo dõi trên khoản mục phải thu khác (chi tiết xem thuyết minh số 8).

(2) Khoản tiền Công ty CP Dịch vụ Hỗ trợ Phát triển và Đầu tư cho Công ty TNHH VNT vay vốn ngắn hạn theo Hợp đồng vay vốn số 0109/2013 ngày 28/9/2013. Thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày chuyển tiền và lãi suất cố định là 11%/năm. Tại ngày 30/06/2017, khoản vay này đã quá hạn thanh toán nhưng chưa được gia hạn.

8. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Ông Hà Trọng Nam <sup>(1)</sup>	128.161.447.928	(128.161.447.928)	128.161.447.928	(128.161.447.928)
- Bà Hứa Thị Bích Hạnh <sup>(2)</sup>	56.794.444.446	(56.794.444.446)	56.794.444.446	(56.794.444.446)
- Công ty TNHH VNT <sup>(3)</sup>	420.763.600.580	(296.780.328.000)	420.763.600.580	(276.660.246.000)
- Công ty TNHH Quản lý và Khai thác tài sản Trảng An <sup>(4)</sup>	21.106.666.666	(8.442.666.667)	21.106.666.666	(6.332.000.000)
- Phải thu ứng tiền cho các cá nhân tại Công ty Viptour-Togi (i)	99.440.000.000	(32.368.000.000)	99.440.000.000	(32.368.000.000)
- Cơ quan Cảnh sát điều tra –Bộ Công an <sup>(5)</sup>	111.840.134.000	-	111.840.134.000	-
- Phải thu lãi vay Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Trảng Tiền Nha Trang	35.552.260.551	-	35.552.260.551	-
- Phải thu khác (i)	62.918.132.410	(11.644.531.854)	40.733.211.335	(11.644.531.854)
	<b>936.576.686.581</b>	<b>(534.191.418.895)</b>	<b>914.391.765.506</b>	<b>(511.960.670.228)</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
- Ông Hà Trọng Nam <sup>(1)</sup>	499.212.400.000	(499.212.400.000)	500.000.000.000	(500.000.000.000)
- Phải thu khác	8.457.885.290	(6.255.083.564)	8.018.848.926	(6.255.083.564)
	<b>507.670.285.290</b>	<b>(505.467.483.564)</b>	<b>508.018.848.926</b>	<b>(506.255.083.564)</b>

<sup>(1)</sup> Bao gồm khoản ứng trước và lãi phát sinh tương ứng cho ông Hà Trọng Nam (Bên liên quan của công ty) theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2510/2010/HĐ-CNCP ngày 25 tháng 10 năm 2010 về việc Công ty nhận chuyển nhượng 634.700 cổ phần của Công ty Cổ phần Trảng Tiền từ một nhóm cổ đông. Tại ngày 05 tháng 6 năm 2015 công ty đã ký phụ lục hợp đồng số 05 với ông Hà Trọng Nam, theo đó, hai bên thỏa thuận dừng thực hiện chuyển nhượng cổ phần và ông Hà Trọng Nam có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ gốc và lãi tối đa trong vòng 3 năm kể từ ngày ký kết phụ lục. Các khoản phải thu này đã được trích lập dự phòng 100% theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 6 năm 2015. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ Công ty đang tiến hành các thủ tục thu hồi gốc và lãi khoản phải thu này.

<sup>(2)</sup> Phải thu bà Hứa Thị Bích Hạnh bao gồm:

- Khoản tiền 40.000.000.000 VNĐ chuyển cho bà Hạnh theo Hợp đồng góp vốn đầu tư số 16/2012/HĐGV-OCH ngày 06 tháng 03 năm 2012, với thời hạn 12 tháng, Hợp đồng hết hạn từ 31/03/2013 và được gia hạn đến 31/03/2015.
- Khoản tiền 16.794.444.446 VNĐ là tiền lãi tính trên khoản tiền chuyển cho bà Hứa Thị Bích Hạnh theo hợp đồng góp vốn đầu tư số 16/2012/HĐGV-OCH ngày 06 tháng 03 năm 2012 nêu trên.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá thận trọng và thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản phải thu này theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC. Ngoài ra Công ty đang tiến hành các thủ tục để thu hồi gốc và lãi khoản phải thu trên.

<sup>(3)</sup> Phải thu Công ty TNHH VNT (“VNT”) bao gồm:

- Khoản tiền 210 tỷ đồng Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư (“IOC”), Công ty con của Công ty, trả trước cho VNT theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 09/2011/HĐ-CNCP ngày 06 tháng 9 năm 2011 về việc Công ty nhận chuyển nhượng 21.000.000 cổ phần của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương từ VNT. Theo điều khoản của Hợp đồng, Công ty có quyền hưởng cổ tức phát sinh từ số cổ phần trên cho đến hết ngày hoàn thiện thủ tục sang tên cổ phần.



- Khoản IOC phải thu Công ty TNHH VNT với số tiền 6.300.000.000 đồng liên quan tới Cổ tức năm 2013 được chia của Ngân hàng TMCP Đại Dương theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 4 năm 2014 mà Công ty được hưởng theo quy định tại Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 09/2011/HĐ-CNCP ngày 06 tháng 9 năm 2011 nêu trên.

- Khoản tiền lãi 3.262.780.580 đồng của khoản tiền IOC cho VNT vay vốn ngắn hạn như trình bày tại Thuyết minh số 7.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá thận trọng và thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản phải thu này theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC. Ngoài ra Công ty đang tiến hành các thủ tục để thu hồi gốc và lãi khoản phải thu trên.

- Khoản Công ty mẹ phải thu VNT với giá trị 201.200.820.000 VND, đây là khoản phải thu theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 3008/2013/ĐTĐT/VNT-OCH ngày 30 tháng 8 năm 2013 để thực hiện Dự án khu số 1 thuộc Khu đô thị mới phía Nam thành phố Bắc Giang với Công ty TNHH VNT. Ngày 19 tháng 10 năm 2015 hai bên đã lập biên bản thỏa thuận chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh, Công ty TNHH VNT có nghĩa vụ phải hoàn trả số tiền Công ty CP Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương đã góp vốn. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá thận trọng và thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản phải thu này theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC. Ngoài ra Công ty cũng đang tiến hành các thủ tục để thu hồi khoản phải thu này.

<sup>(4)</sup> Khoản phải thu Công ty TNHH Quản lý và Khai thác tài sản Trảng An bao gồm:

- Khoản tiền 20.000.000.000 VNĐ là khoản đặt cọc theo hợp đồng số 33/2014/HĐĐC/OCH-TA với Công ty TNHH Quản lý và Khai thác tài sản Trảng An ngày 09 tháng 9 năm 2015. Theo Công văn số 08A/2016/CV-OCH ngày 15 tháng 1 năm 2016, Hợp đồng đặt cọc đã chấm dứt và Công ty TNHH Quản lý và Khai thác tài sản Trảng An phải hoàn lại số tiền đặt cọc trên cho OCH.

- Khoản tiền 1.106.666.666 VNĐ là lãi phải thu của khoản tiền 20.000.000.000 VNĐ nêu trên tính từ ngày nhận đặt cọc là ngày 10 tháng 9 năm 2015 đến ngày 22 tháng 02 năm 2016.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá thận trọng và thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản phải thu này theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Công ty đang thực hiện các thủ tục để thu hồi gốc và lãi khoản phải thu trên.

<sup>(5)</sup> Khoản tiền tạm giữ của Cục cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế - Bộ Công an theo Công văn số 1793/C46(P11) ngày 04 tháng 6 năm 2015 và Quyết định khởi tố vụ án số 116/C46-P11 ngày 21 tháng 10 năm 2014 xảy ra tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương.

## 9. TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Tiền (i)	2.159.813.395	2.019.379.503
- Hàng tồn kho	499.680.794	499.680.794
- Tài sản khác	1.315.965.885	1.296.314.381
	<b>3.975.460.074</b>	<b>3.815.374.678</b>

Đến thời điểm 30/06/2017, các Công ty con vẫn đang trong quá trình xem xét xử lý các khoản tài sản thiếu chờ xử lý trên.

## 10. NỢ XẤU

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>14.996.880.851</b>	<b>298.953.142</b>	<b>11.719.692.523</b>	<b>528.802.479</b>
+ Công ty Cổ phần Thương mại Mika	6.647.496.885	-	8.389.042.438	-
+ Các khoản phải thu khách hàng khác	8.349.383.966	298.953.142	3.330.650.085	528.802.479
<b>Phải thu cho vay</b>	<b>196.800.000.000</b>	<b>189.778.419.921</b>	<b>190.800.000.000</b>	<b>183.778.419.921</b>
+ Công ty TNHH VNT	28.600.000.000	21.578.419.921	28.600.000.000	21.578.419.921
+ Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Trảng Tiền	162.200.000.000	162.200.000.000	162.200.000.000	162.200.000.000
+ Công ty Cổ phần Robot Tosy	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-
<b>Phải thu khác</b>	<b>1.283.519.440.034</b>	<b>243.860.537.575</b>	<b>1.283.420.380.035</b>	<b>265.204.626.243</b>
+ Ông Hà Trọng Nam	627.373.847.928	-	628.161.447.928	-
+ Bà Hứa Thị Bích Hạnh	56.794.444.446	-	56.794.444.446	-
+ Công ty TNHH VNT	420.763.600.580	123.983.272.580	420.763.600.580	144.103.354.580
+ Công ty TNHH Quản lý và Khai thác tài sản Trảng An	21.106.666.666	12.663.999.999	21.106.666.666	14.774.666.666
+ Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Trảng Tiền	35.552.260.551	35.552.260.551	35.552.260.551	35.552.260.551
+ Các khoản phải thu khác	121.928.619.863	71.661.004.445	121.041.959.864	70.774.344.446
	<b>1.495.316.320.885</b>	<b>433.937.910.638</b>	<b>1.485.940.072.558</b>	<b>449.511.848.643</b>

## 11. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Hàng mua đang đi đường	-	-	270.000.000	-
- Nguyên liệu, vật liệu	19.719.697.419	-	20.253.667.460	-
- Công cụ, dụng cụ	2.322.358.688	-	3.282.158.385	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (1)	217.517.052.580	-	217.442.052.580	-
- Thành phẩm	966.358.259	-	1.229.898.815	-
- Hàng hóa	1.064.434.691	-	938.114.801	-
- Hàng hóa bất động sản (2)	26.395.453.212	-	33.086.457.634	-
	<b>267.985.354.849</b>	<b>-</b>	<b>276.502.349.675</b>	<b>-</b>

(1) Đây là chi phí dự án Saigon Airport Plaza tại quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Pegasus Thăng Long, bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và chi phí xây dựng lũy kế của dự án. Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty số 41/2015/NQ-HĐQT ngày 29/10/2015 thống nhất: Dừng thi công dự án Khách sạn Saigon Airport Plaza để bán. Hiện tại dự án đang được thế chấp tại Ngân hàng OceanBank để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty TNHH Pegasus Thăng Long.

(2) Đây là quyền kinh doanh, khai thác và sử dụng 93 phòng Khách sạn StarCity Nha Trang, khách sạn đã hoàn thành và đưa vào kinh doanh từ ngày 15/01/2016. Tính đến thời điểm 30/06/2017, Công ty CP Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương đã thực hiện bàn giao cho khách hàng 65 phòng, phần còn lại Công ty đang tiếp tục bàn giao cho khách hàng.

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- <b>Mua sắm</b>	<b>147.400.000</b>	<b>147.400.000</b>
Phần mềm kế toán hợp nhất Bravo 7.0	147.400.000	147.400.000
- <b>Xây dựng cơ bản</b>	<b>172.547.644.344</b>	<b>176.461.041.822</b>
Dự án StarCity Westlake Hà Nội (*)	171.184.160.168	171.184.160.168
Công trình xây đê mềm chống xói và tạo bồi cho bãi biển	-	5.017.363.636
Chi phí khảo sát nâng cấp Khách sạn Suối Mơ	-	48.450.156
Chi phí XD/CB khác	1.363.484.176	211.067.862
- <b>Sửa chữa lớn</b>	-	<b>107.902.222</b>
Chi phí sơn duy tu tòa nhà khách sạn	410.554.071	1.086.185.638
Chi phí sửa chữa các hạng mục khác (Hệ thống PCCC,...)	-	107.902.222
	<b><u>173.105.598.415</u></b>	<b><u>177.802.529.682</u></b>

(\*) Dự án StarCity Westlake Hà Nội được thực hiện bởi Công ty CP Viptour - Togi (Công ty con của Công ty). Dự án đã được khởi công từ năm 2013.



**13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ	1.308.602.470.317	243.759.952.643	23.544.715.841	1.080.257.176	7.224.488.066	1.584.211.884.043
- Mua trong kỳ	-	2.056.885.864	1.207.808.637	33.990.000	45.015.000	3.343.699.501
- Đầu tư XDCB hoàn thành	11.974.438.251	-	-	-	-	11.974.438.251
- Thanh lý, nhượng bán	-	(3.485.738.400)	(368.403.979)	-	-	(3.854.142.379)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.320.576.908.568</b>	<b>242.331.100.107</b>	<b>24.384.120.499</b>	<b>1.114.247.176</b>	<b>7.269.503.066</b>	<b>1.595.675.879.416</b>
<b>Hao mòn TSCĐ</b>						
Số dư đầu kỳ	209.843.514.771	124.588.514.552	12.075.590.288	780.998.919	5.622.715.858	352.911.334.388
- Khấu hao trong kỳ	23.309.292.823	9.229.404.592	1.409.664.994	66.246.713	265.955.520	34.280.564.642
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.771.703.290)	(368.403.979)	-	-	(2.140.107.269)
- Phân loại lại	(11.312.440)	-	-	-	11.312.440	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>233.141.495.154</b>	<b>132.046.215.854</b>	<b>13.116.851.303</b>	<b>847.245.632</b>	<b>5.899.983.818</b>	<b>385.051.791.761</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu kỳ	1.098.758.955.546	119.171.438.091	11.469.125.553	299.258.257	1.601.772.208	1.231.300.549.655
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>1.087.435.413.414</b>	<b>110.284.884.253</b>	<b>11.267.269.196</b>	<b>267.001.544</b>	<b>1.369.519.248</b>	<b>1.210.624.087.655</b>

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 412.240.690.211 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 46.108.519.239 đồng.

#### 14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền đầu tư Dự án VND	Phần mềm quản lý VND	Tài sản vô hình khác VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ	72.220.284.239	2.309.747.549	753.786.942	75.283.818.730
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>72.220.284.239</b>	<b>2.309.747.549</b>	<b>753.786.942</b>	<b>75.283.818.730</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	2.415.560.621	1.607.088.688	539.636.444	4.562.285.753
- Khấu hao trong kỳ	941.383.244	201.787.862	22.421.268	1.165.592.374
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>3.356.943.865</b>	<b>1.808.876.550</b>	<b>562.057.712</b>	<b>5.727.878.127</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu kỳ	69.804.723.618	702.658.861	214.150.498	70.721.532.977
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>68.863.340.374</b>	<b>500.870.999</b>	<b>191.729.230</b>	<b>69.555.940.603</b>

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 494.915.184 đồng

#### 15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Chi phí bảo hiểm tài sản	575.415.500	1.191.401.874
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	770.298.700	348.546.861
- Chi phí sửa chữa, cải tạo, bảo trì	2.035.451.186	351.353.962
- Chi phí quảng cáo	418.647.949	94.498.022
- Chi phí trả trước thuê văn phòng, cửa hàng, nhà xưởng	1.031.449.991	928.005.742
- Các khoản khác	5.343.434.220	5.505.579.597
	<b>10.174.697.546</b>	<b>8.419.386.058</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Chi phí thuê đất tại Khu công nghiệp Tân Bình đến Tháng 6/2047	4.877.213.423	4.958.500.313
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	9.959.615.997	12.591.461.313
- Chi phí sửa chữa, cải tạo	5.180.336.882	5.667.841.079
- Chi phí thuê đất dự án KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội (*)	50.168.491.516	50.871.788.128
- Các khoản khác	598.078.177	783.735.982
	<b>70.783.735.995</b>	<b>74.873.326.815</b>

(\*) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2013/HDHT/VS-OCH ngày 17/10/2013 giữa Công ty CP Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương với Công ty CP Đầu tư Phát triển và Kinh doanh Công trình Công nghiệp Việt Sing, Công ty CP Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương phải trả tiền thuê đất một lần tại KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội để có quyền sử dụng đất đến ngày 28/09/2053. Hiện tại Công ty đang cho các đối tác thuê dự án này và chi phí sẽ được phân bổ vào Kết quả kinh doanh theo thời gian thuê đất.

16. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
- Công ty CP Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư	24.819.291.380	29.783.149.656
- Công ty CP Du lịch Khách sạn Suối Mơ	887.461.841	1.005.790.081
- Công ty CP Tân Việt	7.187.111.302	8.095.159.930
- Công ty CP Viptour Togi	47.337.747.028	51.454.072.859
- Công ty CP Truyền thông Đại Dương	2.078.649.408	2.244.941.361
- Công ty THH MTV Sao Hôm Nha Trang	38.462.132.537	41.209.427.718
- Công ty Cổ phần Kem Tráng Tiên	60.227.635.250	64.860.530.269
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b><u>181.000.028.746</u></b>	<b><u>198.653.071.874</u></b>

17. CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2017		Trong kỳ		30/06/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
- <i>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</i>						
+ Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (1)	71.354.877.332	71.354.877.332	9.061.918.361	15.218.662.063	65.198.133.630	65.198.133.630
+ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (2)	500.000.000.000	500.000.000.000	-	-	500.000.000.000	500.000.000.000
	<b>571.354.877.332</b>	<b>571.354.877.332</b>	<b>9.061.918.361</b>	<b>15.218.662.063</b>	<b>565.198.133.630</b>	<b>565.198.133.630</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- <i>Vay dài hạn</i>						
+ Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (1)	361.403.449.503	361.403.449.503	-	-	352.341.531.142	352.341.531.142
	<b>361.403.449.503</b>	<b>361.403.449.503</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>352.341.531.142</b>	<b>352.341.531.142</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

(1) Khoản vay dài hạn của Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương với Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương theo các hợp đồng sau:

a) Khoản vay dài hạn của Công ty CP Du lịch Khách sạn Suối Mơ (Công ty con) với Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 0152/2013/HDDTD-OCEANBANK.CNQN với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 20.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Nâng cấp khách sạn Suối Mơ;
- + Thời hạn cho vay: 48 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản đầu tiên và được ghi trên giấy nhận nợ;
- + Lãi suất cho vay: 11%/năm;
- + Hình thức đảm bảo tiền vay: Toàn bộ tài sản là máy móc và thiết bị;
- + Số dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm 30/06/2017 là 225.857.027 đồng; Trong đó, số phải trả trong vòng 12 tháng là: 225.857.027 đồng.

b) Khoản vay dài hạn của Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang (Công ty con) với Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương theo Hợp đồng số 0047/2011/HDDTD1-OCEANBANK 01 với các thông tin như sau:

- + Hạn mức tín dụng: 342 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn đầu tư xây dựng Dự án Khách sạn StarCity Nha Trang tại địa chỉ số 72-74 Trần Phú, Phường Lộc Thọ, Thành Phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa;
- + Thời hạn cho vay: 90 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản đầu tiên, thời gian ân hạn là 36 tháng;
- + Lãi suất cho vay: Thả nổi có điều chỉnh;
- + Hình thức đảm bảo tiền vay: Tài sản hình thành trong tương lai bao gồm toàn bộ tài sản gắn liền trên đất thuê tại địa chỉ số 72-74 Đường Trần Phú, Phường Lộc Thọ, Thành Phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa thuộc Dự án Khách sạn StarCity Nha Trang theo Giấy chứng nhận đầu tư số: 37121000223 do UBND Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 24/12/2010;
- + Số dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm 30/06/2017 là 243.431.166.911 đồng, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng là: 12.000.000.000 đồng.

c) Khoản vay dài hạn của Công ty CP Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư (Công ty con) với Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0060/2007/HĐTD-OJBĐN ngày 20/11/2007 và Phụ lục Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0060.7/2007/PLHĐTD-OJBĐN ngày 09/06/2011 với các thông tin như sau:

- + Mục đích vay: Đầu tư xây dựng dự án Sunrise Resort;
- + Hạn mức tín dụng: 326.000.000.000 đồng, trong đó số tiền đã giải ngân là 246.910.364.231 đồng;
- + Thời hạn cho vay: 120 tháng kể từ ngày nhận nợ vay đầu tiên;
- + Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất thả nổi có điều chỉnh;
- + Hình thức đảm bảo tiền vay: Đảm bảo bằng tài sản gắn liền với đất hình thành từ vốn vay (giá trị xây dựng khu Sunsiser Resort), máy móc và thiết bị nội thất văn phòng (toàn bộ trang thiết bị nội thất trang trí khu Sunrise Resort) ;
- + Số dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm 30/06/2017 là 124.882.640.834 đồng, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng là: 43.972.276.603 đồng, số nợ gốc quá hạn theo Thông báo của Ngân hàng là 23.972.276.603 đồng. Hiện tại giữa Công ty và Ngân hàng chưa thống nhất được Lịch trình trả nợ, chi tiết xem tại Thuyết minh số 40.

(d) Khoản vay dài hạn của Công ty CP Bánh Givral (Công ty con) với Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng số 0080/TDA/14CD ngày 24/02/2014 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền vay: 88.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Mua và cải tạo nhà xưởng;
- + Thời hạn cho vay: 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- + Lãi suất cho vay: Thả nổi có điều chỉnh;
- + Hình thức đảm bảo tiền vay: Đảm bảo bằng tài sản thế chấp của bên vay là toàn bộ công trình, trang thiết bị máy móc, nội thất kèm theo trang thiết bị nhà xưởng Givral tại Lô II - 1B, Lê Trọng Tấn, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh;
- + Số dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm 30/06/2017 là 49.000.000.000 đồng, trong đó số gốc vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng là 9.000.000.000 đồng.



(2) Trái phiếu phát hành của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam: Phản ánh giá trị trái phiếu Công ty CP Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư ( Công ty con) phát hành cho Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam theo Hợp đồng mua bán trái phiếu số 07/HĐTP/MSB ngày 01/09/2011 với các thông tin như sau:

- + Số lượng trái phiếu phát hành: 500 trái phiếu;
- + Mệnh giá trái phiếu phát hành: 1.000.000.000 đồng/trái phiếu;
- + Mục đích vay: Đầu tư vào dự án Sunrise Resort Hội An và bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn trái phiếu: 5 năm. Tuy nhiên, sau một năm kể từ thời điểm phát hành, Công ty có nghĩa vụ mua lại/ hoặc nhờ người khác mua lại khoản trái phiếu này bất cứ lúc nào Ngân hàng TMCP Hàng Hải đề nghị bán lại trái phiếu.
- + Lãi suất trái phiếu cho năm đầu tiên là 15%/năm, với các năm tiếp theo là lãi suất thả nổi theo nguyên tắc lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau trung bình của 04 ngân hàng (Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Sở giao dịch và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN TP Hà Nội) tại ngày đầu tiên của kỳ tính lãi hoặc ngày làm việc ngay sau đó cộng 1%/năm;
- + Hình thức đảm bảo: Không có tài sản đảm bảo;
- + Số dư nợ gốc của Hợp đồng tại thời điểm 30/06/2017 là 500.000.000.000 đồng (Chi tiết các thông tin liên quan đến khoản trái phiếu xem tại Thuyết minh số 40).

#### 18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Dương	7.928.156.923	7.928.156.923	7.517.660.983	7.517.660.983
- Công ty Cổ phần Thống Nhất 508	2.239.847.346	2.239.847.346	2.239.847.346	2.239.847.346
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	5.346.065.332	5.346.065.332	5.346.065.332	5.346.065.332
- Cổ Phần Việt Hải Đăng Nha Trang	5.600.851.875	5.600.851.875	1.126.591.875	1.126.591.875
- Công ty TNHH Hàn Việt	990.073.950	990.073.950	2.493.469.721	2.493.469.721
- Phải trả các đối tượng khác	35.937.272.875	35.937.272.875	32.582.622.320	32.582.622.320
	<b>58.042.268.301</b>	<b>58.042.268.301</b>	<b>51.306.257.577</b>	<b>51.306.257.577</b>
<b>b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán</b>				
- Phải trả người bán ngắn hạn	52.441.416.426	52.441.416.426	51.306.257.577	51.306.257.577
- Phải trả người bán dài hạn	5.600.851.875	5.600.851.875	-	-
	<b>58.042.268.301</b>	<b>58.042.268.301</b>	<b>51.306.257.577</b>	<b>51.306.257.577</b>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 43)	<b>7.958.156.923</b>	<b>7.958.156.923</b>	<b>7.517.660.983</b>	<b>7.517.660.983</b>
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>			30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
+ Công ty Cổ phần Thống Nhất 508			2.239.847.346	2.239.847.346
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà			5.346.065.332	5.346.065.332
			<b>7.585.912.678</b>	<b>7.585.912.678</b>

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Trả trước tiền mua căn hộ dự án StarCity Nha Trang	6.809.531.306	12.956.361.947
- Deals.com.au Co., Ltd	796.235.178	16.231.438.050
- Chi Nhánh Công ty TNHH Du lịch - Thương mại Hoàng Trà	2.439.367.000	1.052.667.000
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	18.014.493.721	21.469.480.543
	<b><u>28.059.627.205</u></b>	<b><u>51.709.947.540</u></b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Trả trước tiền mua căn hộ dự án Starcity Westlake Hà Nội	101.672.849.093	101.672.849.093
	<b><u>101.672.849.093</u></b>	<b><u>101.672.849.093</u></b>

**20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	2.838.472.122	8.373.085.168	24.783.505.300	19.633.898.858	-	10.684.219.488
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	108.082.062	861.790.929	825.906.853	-	143.966.138
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.654.873.556	4.515.826.289	8.600.696.026	9.116.051.164	8.687.089.296	6.032.686.891
- Thuế thu nhập cá nhân	28.847.723	1.905.205.653	3.063.613.907	4.143.979.116	236.823.907	1.032.816.628
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	87.450.100	103.053.529.080	1.611.735.036	1.332.343.116	2.063.232	103.247.534.132
- Các loại thuế khác	-	37.874.594.574	9.877.180.478	593.365.703	45.187.794	47.203.597.143
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	24.301.131	24.301.131	-	-
	<b>9.609.643.501</b>	<b>155.830.322.826</b>	<b>48.822.822.807</b>	<b>35.669.845.941</b>	<b>8.971.164.229</b>	<b>168.344.820.420</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	-	201.128.456.538
- Trích trước chi phí Công trình Khách sạn StarCity Nha Trang	188.486.200.103	229.897.919.595
- Chi phí phải trả khác	15.053.950.093	16.403.642.112
	<b>203.540.150.196</b>	<b>447.430.018.245</b>

**22. PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	971.620.424	594.126.913
- Bảo hiểm xã hội	599.777.181	109.399.466
- Bảo hiểm y tế	111.879.675	21.578.480
- Bảo hiểm thất nghiệp	54.399.065	13.997.222
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.860.207.851	1.594.877.851
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả năm 2013	140.000.000.000	140.000.000.000
- Các khoản phải trả phải nộp khác	358.245.126.422	131.484.987.566
+ <i>Phải trả Công ty TNHH Pegasus Thăng Long tương ứng 60% lợi ích được hưởng trong dự án Sài Gòn AirPort theo hợp đồng hợp tác kinh doanh</i>	116.042.770.800	116.042.770.800
+ <i>Lãi vay phải trả Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương (*)</i>	4.459.492.009	2.621.944.444
+ <i>Phải trả Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Tiền lãi vay</i>	225.385.000.000	-
+ <i>Phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long</i>	2.894.920.622	2.894.920.622
+ <i>Phải trả khác</i>	9.462.942.991	9.925.351.700
	<b>501.843.010.618</b>	<b>273.818.967.498</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	11.819.521.174	10.634.553.374
- Lãi vay phải trả Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương (*)	163.083.337.062	152.896.150.758
	<b>174.902.858.236</b>	<b>163.530.704.132</b>

(\*) Theo Phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 10 - 0047/2011/PLHĐTĐ1-OCEANBANK01 ngày 31 tháng 08 năm 2016 về việc cơ cấu lại khoản đi vay của Công ty TNHH MTV Sao hôm Nha Trang, cụ thể: Kỳ hạn trả nợ đầu tiên ngày 31/08/2016 và Kỳ hạn trả nợ cuối cùng ngày 31/05/2032.

**23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu kỳ trước</b>	<b>2.000.000.000.000</b>	<b>6.329.814.592</b>	<b>15.334.132.643</b>	<b>(879.697.693.678)</b>	<b>115.387.636.685</b>	<b>1.257.353.890.242</b>						
Lỗ trong kỳ trước	-	-	-	(103.923.764.064)	-	5.480.652.131						(98.443.111.933)
Ghi nhận bổ sung tỷ lệ lợi ích (âm) của cổ đông không kiểm soát trong Công ty con đầu kỳ	-	-	-	58.989.880.346	-	(58.989.880.346)						-
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ lợi ích tại Công ty con	-	-	-	5.726.086.347	-	(5.726.086.347)						-
Giảm khác	-	-	-	194.505.771	-	166.901.569						361.407.340
Ảnh hưởng do phân phối lợi nhuận của Công ty con	-	-	2.650.330.312	(5.401.150.235)	-	(2.247.227.490)						(4.998.047.413)
Giảm khác trên Công ty mẹ (*)	-	-	-	(8.324.323.442)	-	(8.324.323.442)						(8.324.323.442)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>2.000.000.000.000</b>	<b>6.329.814.592</b>	<b>17.984.462.955</b>	<b>(932.436.458.955)</b>	<b>54.071.996.202</b>	<b>1.145.949.814.794</b>						
<b>Số dư đầu kỳ này</b>	<b>2.000.000.000.000</b>	<b>6.329.814.592</b>	<b>17.984.462.955</b>	<b>(974.155.014.240)</b>	<b>44.855.840.111</b>	<b>1.095.015.103.418</b>						
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	(41.720.690.364)	-	3.671.422.384						(38.049.267.980)
Ảnh hưởng do phân phối lợi nhuận của Công ty con	-	-	308.239.233	(5.423.528.958)	-	(2.089.894.467)						(7.205.184.192)
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ lợi ích tại Công ty con	-	-	-	517.059.139	-	(517.059.139)						-
Giảm khác do ảnh hưởng điều chỉnh lợi nhuận sau thuế của Công ty con	-	-	-	(11.750.000.000)	-	(600.000.000)						(12.350.000.000)
Tăng/giảm khác	-	-	-	(510.000)	-	510.000						-
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>2.000.000.000.000</b>	<b>6.329.814.592</b>	<b>18.292.702.188</b>	<b>(1.032.532.684.423)</b>	<b>45.320.818.889</b>	<b>1.037.410.651.245</b>						

(\*) Khoản điều chỉnh tài sản thuế Thu nhập hoãn lại của chi phí thuế không được khấu trừ tương ứng với chi phí lãi vay phát sinh cho hoạt động đầu tư vốn, phát sinh năm 2013,2014.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	1.110.500.000.000	55,53%	1.110.500.000.000	55,53%
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	199.500.000.000	9,97%	199.500.000.000	9,97%
Các cổ đông khác	690.000.000.000	34,50%	690.000.000.000	34,50%
	<b>2.000.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>2.000.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	200.000.000	200.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	200.000.000	200.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	200.000.000	200.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	200.000.000	200.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	200.000.000	200.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000	10.000

e) Các quỹ của Công ty

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	18.292.702.188	17.984.462.955
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	6.329.814.592	6.329.814.592
	<b>24.622.516.780</b>	<b>24.314.277.547</b>

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	30/06/2017	01/01/2017
- Đô la Mỹ	USD	276.533,26	1.005.234,17
- Yên Nhật	JPY	-	60.000,00
- Đô la Úc	AUD	220,00	1.000,00

**25. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán thành phẩm	140.127.808.699	128.929.141.546
Doanh thu cung cấp dịch vụ	249.923.827.450	206.378.994.958
Doanh thu chuyển nhượng quyền kinh doanh bất động sản	10.153.228.888	43.469.442.819
	<b>400.204.865.037</b>	<b>378.777.579.323</b>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 43)	<b>581.130.375</b>	<b>93.856.277</b>

**26. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Chiết khấu thương mại	1.108.381.362	540.534.947
- Giảm giá hàng bán	645.091	-
	<b>1.109.026.453</b>	<b>540.534.947</b>

**27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	92.190.088.506	79.223.365.282
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	141.167.410.401	135.495.153.065
Giá vốn chuyển nhượng quyền kinh doanh bất động sản	6.714.009.675	28.870.350.902
	<b>240.071.508.582</b>	<b>243.588.869.249</b>

**28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.142.234.548	9.681.810.818
Lãi bán các khoản đầu tư	-	4.050.373.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	820.555.201	852.473.957
	<b>5.962.789.749</b>	<b>14.584.657.775</b>

**29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	43.973.608.425	61.952.436.708
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	194.443.028	136.783.185
Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(655.380.060)	30.634.029.864
Chi phí tài chính khác	676.440	-
	<b>43.513.347.833</b>	<b>92.723.249.757</b>

**30. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.289.829.230	3.170.276.789
Chi phí nhân công	12.881.491.539	7.814.224.570
Chi phí khấu hao tài sản cố định	699.480.102	366.980.771
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.177.102.879	16.119.706.558
Chi phí khác bằng tiền	15.969.881.304	18.725.988.369
	<b>40.017.785.054</b>	<b>46.197.177.057</b>

**31. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.385.320.152	3.582.477.320
Chi phí nhân công	28.652.500.590	24.676.086.238
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.187.588.605	728.874.734
Chi phí dự phòng	24.950.186.332	6.923.616.569
Thuế, phí, và lệ phí	108.185.844	1.848.067.530
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.532.223.441	23.007.556.864
Chi phí khác bằng tiền	14.411.553.411	12.372.398.090
	<b>95.227.558.375</b>	<b>73.139.077.345</b>

**32. THU NHẬP KHÁC**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	62.945.455	266.580.239
Thu nhập từ cho thuê mặt bằng, thiết bị	185.970.606	-
Thu nhập từ hoa hồng đại lý không phải trả	30.000.000	-
Thu nhập khác	144.144.669	919.877.043
	<b>423.060.730</b>	<b>1.186.457.282</b>

**33. CHI PHÍ KHÁC**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.474.035.110	1.099.246.563
Các khoản bị phạt	9.369.811.094	10.585.361.975
Chi phí khác	591.533.469	-
	<b>11.435.379.673</b>	<b>11.684.608.538</b>



**34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuế TNDN Công ty mẹ	639.184.172	2.458.308.002
Chi phí thuế TNDN Công ty con	7.897.321.714	5.604.506.844
	<b>8.536.505.886</b>	<b>8.062.814.846</b>

**35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI**

**a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	843.643.063	1.458.066.033
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>843.643.063</b>	<b>1.458.066.033</b>

**b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	104.918.993.384	98.317.363.248
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>104.918.993.384</b>	<b>98.317.363.248</b>

**c) Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	4.866.053.106	17.055.474.574
	<b>4.866.053.106</b>	<b>17.055.474.574</b>

**36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(41.720.690.364)	(103.923.764.064)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(41.720.690.364)	(103.923.764.064)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	200.000.000	200.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(209)</b>	<b>(520)</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

### 37. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	94.642.940.583	83.083.687.704
Chi phí nhân công	104.868.409.044	94.950.242.741
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.659.891.422	47.426.461.557
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.483.349.571	64.519.514.265
Chi phí khác	78.330.251.519	44.074.866.482
	<b>347.984.842.139</b>	<b>334.054.772.749</b>

### 38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	200.962.233.786	-	181.532.789.414	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.495.142.884.640	(1.054.356.830.168)	1.480.412.912.232	(1.029.406.643.836)
Các khoản cho vay	257.927.733.073	(7.021.580.079)	247.427.733.073	(7.021.580.079)
Đầu tư ngắn hạn	172.559	(79.359)	172.559	(79.359)
	<b>2.136.100.924.058</b>	<b>(1.097.940.120.941)</b>	<b>2.091.441.507.278</b>	<b>(1.063.645.314.669)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	917.539.664.772	932.758.326.835
Phải trả người bán, phải trả khác	734.788.137.155	488.655.929.207
Chi phí phải trả	203.540.150.196	447.430.018.245
	<b>1.855.867.952.123</b>	<b>1.868.844.274.287</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	93.200	-	-	93.200
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Đầu tư ngắn hạn	93.200	-	-	93.200

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	200.962.233.786	-	-	200.962.233.786
Phải thu khách hàng, phải thu khác	438.583.252.746	2.202.801.726	-	440.786.054.472
Các khoản cho vay	247.906.152.994	3.000.000.000	-	250.906.152.994
	<b>887.451.639.526</b>	<b>5.202.801.726</b>	<b>-</b>	<b>892.654.441.252</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	181.532.789.414	-	-	181.532.789.414
Phải thu khách hàng, phải thu khác	449.242.503.034	1.763.765.362	-	451.006.268.396
Các khoản cho vay	240.406.152.994	-	-	240.406.152.994
	<b>871.181.445.442</b>	<b>1.763.765.362</b>	<b>-</b>	<b>872.945.210.804</b>

#### **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>				
Vay và nợ	565.198.133.630	352.341.531.142	-	917.539.664.772
Phải trả người bán, phải trả khác	554.284.427.044	180.503.710.111	-	734.788.137.155
Chi phí phải trả	203.540.150.196	-	-	203.540.150.196
	<b>1.323.022.710.870</b>	<b>532.845.241.253</b>	<b>-</b>	<b>1.855.867.952.123</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Vay và nợ	571.354.877.332	165.080.282.592	196.323.166.911	932.758.326.835
Phải trả người bán, phải trả khác	325.125.225.075	163.530.704.132	-	488.655.929.207
Chi phí phải trả	447.430.018.245	-	-	447.430.018.245
	<b>1.343.910.120.652</b>	<b>328.610.986.724</b>	<b>196.323.166.911</b>	<b>1.868.844.274.287</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 39. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ</b>		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	15.218.662.063	52.998.438.766

### 40. THÔNG TIN KHÁC

#### a. Khoản vay bằng phát hành Trái phiếu - Ngân hàng TMCP Hàng Hải

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư (IOC), công ty con của công ty, có phát hành trái phiếu không có tài sản đảm bảo cho Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam theo Hợp đồng mua bán trái phiếu số 07/HĐTP/MSB ngày 01/09/2011, thời hạn trái phiếu là 5 năm, trái phiếu đã hết hạn vào ngày 01/09/2016.

Ngân hàng TMCP Hàng Hải đã nộp đơn khởi kiện lên Tòa án nhân dân Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam. Ngày 28/09/2016, Tòa án Nhân dân Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam đã có bản án sơ thẩm số 08/2016/QĐ.ST-KDTM về vụ kiện trên, theo đó: Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư chấp nhận thanh toán cho Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam số tiền 687.885.000.000 đồng (bao gồm 500.000.000.000 đồng tiền gốc và 187.885.000.000 đồng tiền lãi). Kể từ ngày Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam có đơn yêu cầu thi hành án, nếu IOC không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nêu trên thì IOC phải trả lãi đối với khoản nợ chậm thanh toán theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian và số tiền chậm thanh toán tại thời điểm thanh toán.

Ngày 09/12/2016, Công ty đã có Đơn đề nghị gửi Chánh án Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Đà Nẵng về việc Kháng nghị Giám đốc thẩm đối với Quyết định số 08/2016/QĐ.ST-KDTM ngày 28/09/2016 của Tòa án nhân dân Hội An. Theo đó, ngày 23/12/2016, Tòa án Nhân dân cấp cao Thành phố Đà Nẵng đã gửi Văn bản số 40/TANDCCĐN gửi Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hội An về việc yêu cầu hoãn thi hành án trong thời gian 3 tháng kể từ ngày ra Văn bản hoãn thi hành án.

Ngày 17/04/2017, sau khi hết thời hạn hoãn thi hành án 3 tháng, căn cứ Quyết định số 362/TB-QNa-DVKH của Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hội An ngày 07/04/2017 "Về việc chuyển tiền thi hành án", Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Quảng Nam đã chuyển số tiền 927.130 USD (tương đương 21.027.308.400 VND) từ Tài khoản thanh toán của IOC sang Tài khoản của Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hội An để phong tỏa, phục vụ thi hành án. Theo Biên bản làm việc giữa IOC và Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hội An ngày 26/04/2017 về việc giải phong tỏa tài khoản, Chi cục Thi hành án vẫn tiếp tục tạm giữ số tiền phong tỏa nói trên để phục vụ thi hành án theo yêu cầu của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam. Công ty IOC đã có đơn khiếu nại gửi tới Tổng cục thi hành án liên quan đến vụ việc này.

Hiện tại, Công ty đang thực hiện trích lãi vay sau ngày 01/09/2016 tính trên số gốc trái phiếu 500.000.000.000 đồng, không thực hiện trích lãi trên tổng số tiền phải thanh toán 687.885.000.000 đồng theo Bản án sơ thẩm của Tòa án.

**b. Khoản vay Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương**

Theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0060/2007/HĐTD-OJBDN ngày 20/11/2007 và Phụ lục Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0060.7/2007/PLHĐTD-OJBDN ngày 09/06/2011 ký giữa Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Đà Nẵng và IOC, hạn mức vay 326 tỷ đồng, kỳ trả nợ cuối cùng là Quý 2 năm 2019, số tiền trả mỗi quý từ năm 2017 đến năm 2019 là 20 tỷ đồng. Tuy nhiên, số tiền Công ty vay thực tế là 246,9 tỷ đồng, trong khi Phương án trả nợ theo Hợp đồng vay đã ký là xây dựng cho số gốc vay 326 tỷ đồng, do đó Công ty không đồng ý với Lịch trình trả nợ quy định tại Hợp đồng vay.

Ngày 23/05/2017, Toà án nhân dân Quận Thanh Khê, Đà Nẵng có thông báo số 16/TB-TLVA về việc thụ lý vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 16/2017/TLTS\_KDTM về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương. Ngày 19/06/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Bên Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương và Bị đơn là IOC đã tham gia Phiên hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án kinh doanh thương mại. Hai bên đã thống nhất với nhau về số dư gốc vay và lãi vay tính đến ngày 19/05/2017, tuy nhiên chưa thống nhất được về phương án trả nợ khả thi.

**41. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

**42. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Hàng hóa, thành phẩm	Dịch vụ	Quyền kinh doanh Bất động sản	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	139.825.264.997	249.117.344.699	10.153.228.888	-	399.095.838.584
<b>Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>47.635.176.491</b>	<b>107.949.934.298</b>	<b>3.439.219.213</b>	-	<b>159.024.330.002</b>
Tổng chi phí mua TSCĐ	1.876.018.637	8.745.187.848	-		10.621.206.485
Tài sản bộ phận	497.179.550.206	4.179.823.268.965	22.218.629.991	(1.366.592.079.041)	3.332.629.370.121
<b>Tổng Tài sản</b>	<b>497.179.550.206</b>	<b>4.179.823.268.965</b>	<b>22.218.629.991</b>	<b>(1.366.592.079.041)</b>	<b>3.332.629.370.121</b>
Nợ phải trả của các bộ phận	78.089.142.782	2.574.704.747.000	6.809.531.306	(480.810.117.382)	2.178.793.303.706
<b>Tổng Nợ phải trả</b>	<b>78.089.142.782</b>	<b>2.574.704.747.000</b>	<b>6.809.531.306</b>	<b>(480.810.117.382)</b>	<b>2.178.793.303.706</b>

Theo khu vực địa lý:

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

### 43. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>581.130.375</b>	<b>93.856.277</b>
Công ty CP Tập đoàn Đại Dương	Công ty mẹ	274.237.120	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	Cùng Tập đoàn	306.893.255	93.856.277
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>		<b>168.181.818</b>	<b>518.673.863</b>
Công ty CP Tập đoàn Đại Dương	Công ty mẹ	68.181.818	468.673.863
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	Cùng Tập đoàn	100.000.000	50.000.000
<b>Doanh thu tài chính</b>		<b>1.746.033.156</b>	<b>7.484.218.840</b>
Công ty CP Tập đoàn Đại Dương	Công ty mẹ	1.746.033.156	7.484.218.840
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	Cùng Tập đoàn	-	-
<b>Chi phí tài chính (trích lập dự phòng)</b>		<b>-</b>	<b>21.000.116.678</b>
Công ty CP Đầu tư Đại Dương Thăng Long	Cùng Tập đoàn	-	21.000.116.678
Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:			
	Mối quan hệ	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>		<b>4.889.642.202</b>	<b>4.099.766.065</b>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	Cùng Tập đoàn	4.685.066	44.952.436
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Dương	Công ty mẹ	4.884.957.136	4.054.813.629
<b>Phải thu cho vay ngắn hạn</b>		<b>34.727.733.073</b>	<b>34.727.733.073</b>
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Dương	Công ty mẹ	34.727.733.073	34.727.733.073
<b>Phải thu khác ngắn hạn, dài hạn</b>		<b>632.373.903.209</b>	<b>631.415.470.053</b>
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Dương	Công ty mẹ	4.939.055.281	3.193.022.125
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	Cùng Tập đoàn	61.000.000	61.000.000
Ông Hà Trọng Nam	Chủ tịch HĐQT	627.373.847.928	628.161.447.928
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		<b>7.958.156.923</b>	<b>7.517.660.983</b>
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Dương	Công ty mẹ	7.928.156.923	7.517.660.983
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	Cùng Tập đoàn	30.000.000	-
<b>Chi phí phải trả</b>		<b>-</b>	<b>117.828.435</b>
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Dương	Công ty mẹ	-	117.828.435
<b>Phải trả khác ngắn hạn</b>		<b>803.535.855</b>	<b>803.535.855</b>
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Dương	Công ty mẹ	803.535.855	803.535.855

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

		Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT		933.709.500	943.621.439

#### 44. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

Người lập biểu

Trần Huy Dũng

Kế toán trưởng

Phạm Lương Hoàng

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Lan Hương

Số: 132/2017/CV-OCH  
V/v: Giải trình thông tin BCTC bán niên năm  
2017 đã soát xét

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2017

**Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

- Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất bán niên năm 2017 của Công ty CP Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương trước và sau khi được soát xét;

Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương giải trình các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh trên Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên 2017 đã được soát xét như sau:

**I. Giải trình Lợi nhuận sau thuế TNDN kỳ bán niên đã soát xét năm 2017 thay đổi từ 10% so với bán niên năm 2016.**

**1. Báo cáo tài chính hợp nhất:**

Chỉ tiêu LNST trên Báo cáo KQKD Hợp nhất bán niên năm 2017 lỗ 38,04 tỷ đồng trong khi bán niên năm 2016 chỉ tiêu này lỗ 98,44 tỷ đồng, giảm lỗ 60,39 tỷ đồng tương ứng tỉ lệ 61% do những nguyên nhân sau:

- (1) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 21,4 tỷ đồng (kỳ này là 400,2 tỷ đồng trong khi kỳ trước là 378,7 tỷ đồng). Giá vốn hàng bán giảm 3,5 tỷ đồng (kỳ này là 240 tỷ đồng trong khi kỳ trước là 243,5 tỷ đồng).
- (2) Doanh thu tài chính giảm 8,6 tỷ đồng (kỳ này là 5,9 tỷ đồng trong khi kỳ trước là 14,5 tỷ đồng). Chi phí tài chính giảm 49,2 tỷ đồng (kỳ này là 43,5 tỷ đồng trong khi kỳ trước là 92,7 tỷ đồng).
- (3) Chi phí bán hàng giảm 6,1 tỷ đồng (kỳ này là 40 tỷ đồng trong khi kỳ trước là 46,1 tỷ đồng).
- (4) Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 22 tỷ đồng (kỳ này là 95,2 tỷ đồng trong khi kỳ trước là 73,1 tỷ đồng).

**2. Báo cáo tài chính riêng:**

Chỉ tiêu LNST trên Báo cáo KQKD riêng bán niên năm 2017 lỗ 6,08 tỷ đồng trong khi bán niên năm 2016 chỉ tiêu này lỗ 30,9 tỷ đồng, giảm lỗ 24,8 tỷ đồng tương ứng tỉ lệ 80% do những nguyên nhân sau:

- (1) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 31,5 tỷ đồng (kỳ này là 17,3 tỷ đồng trong khi kỳ trước là 48,8 tỷ đồng). Giá vốn hàng bán giảm 20,2 tỷ đồng (kỳ này là 11,6 tỷ đồng trong khi kỳ trước là 31,9 tỷ đồng).
- (2) Doanh thu tài chính giảm 27,8 tỷ đồng (kỳ này là 44,4 tỷ đồng trong khi kỳ trước là 72,2 tỷ đồng). Chi phí tài chính giảm 75,7 tỷ đồng (kỳ này là 29 tỷ đồng trong khi kỳ trước là 104,7 tỷ đồng).



(3) Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 15,3 tỷ đồng (kỳ này là 25,8 tỷ đồng trong khi kỳ trước là 10,4 tỷ đồng).

## **II. Giải trình số liệu KQKD bán niên năm 2017 đã soát xét thay đổi trên 5% so với BCTC Quý 2/2017 đã công bố.**

### **1. Báo cáo tài chính riêng:**

Chi tiêu LNST lũy kế trên BCTC Quý 2/2017 đã công bố lỗ 7,7 tỷ đồng và với BCTC bán niên đã soát xét lỗ 6,08 tỷ đồng thì giảm lỗ 1,6 tỷ đồng tương ứng tỉ lệ 21%. Nguyên nhân chênh lệch do sau khi soát xét làm giảm chi tiêu Chi phí tài chính 1,6 tỷ đồng: vì khi thực hiện soát xét BCTC riêng tại OCH thì nhận được BCTC đã soát xét của một số đơn vị OCH có tham gia góp vốn nên chi phí dự phòng giảm, qua đó tác động làm LNST giảm tương ứng.

## **III. Giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ và ý kiến nhấn mạnh thể hiện trong Báo cáo tài chính như sau:**

### **1. Báo cáo tài chính hợp nhất:**

#### **1.1 Ý kiến kiểm toán ngoại trừ:**

a. “Tại ngày 30/06/2017, Công ty đang ghi nhận một khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Du lịch và Xúc tiến Đầu tư (“Viptour”) với số tiền 40.600.000.000 VND về đặt cọc để nhận chuyển nhượng 4.055.800 cổ phần của Công ty Cổ phần Viptour-Togi, trong đó bao gồm số tiền 18.714.461.700 VND trong tài khoản đồng sở hữu giữa Công ty, Công ty đang làm việc với Viptour về việc thu hồi khoản ứng trước 21.885.538.300 VND còn lại. Đồng thời Công ty có khoản phải thu Công ty TNHH VNT (“VNT”) sau khi trích lập dự phòng là 145.561.692.501 VND, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đang làm việc với VNT để thu hồi khoản khoản phải thu này. Chúng tôi chưa có đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi của khoản phải thu và ứng trước này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không. Chi tiết xem thuyết minh số 06 và 08 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất”.

**Giải trình OCH :** Khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Du lịch và Xúc tiến Đầu tư: Đối tác này vẫn đang có các hoạt động sản xuất kinh doanh và thể hiện trách nhiệm thanh toán đối với các khoản công nợ: Công ty đã có biên bản làm việc với Công ty Viptour về việc đồng ý chấm dứt hợp đồng chuyển nhượng, Công ty Viptour nhận trách nhiệm hoàn trả lại tiền sau khi có ý kiến của Đại hội cổ đông, sử dụng toàn bộ cổ phiếu của Công ty CP Viptour - Togi làm tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ trả tiền của Viptour. Tại thời điểm 30/06/2017 Công ty tiếp tục làm việc với Công ty Viptour về việc thanh lý hợp đồng chuyển nhượng cổ phần và thu hồi khoản tiền đã chuyển cho Viptour.

Khoản phải thu VNT: Chủ yếu là số tiền OCH đầu tư vào dự án bất động sản mà Công ty TNHH VNT làm chủ đầu tư. Xác định cần tập trung vốn cho các hoạt động kinh doanh chính Công ty đã thỏa thuận với VNT chấm dứt hợp đồng hợp tác đầu tư và VNT có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ vốn góp. Đối tác này vẫn đang có các hoạt động sản xuất kinh doanh và thể hiện trách nhiệm thanh toán đối với các khoản công nợ. Đến thời điểm lập báo cáo hợp nhất Công ty VNT đã thực hiện một phần nghĩa vụ hoàn trả vốn cho OCH. Đồng thời OCH vẫn đang tiếp tục thực hiện các biện pháp để đôn đốc, thu hồi khoản tiền này. Tại thời điểm 30/06/2017, OCH đã tiến hành trích lập dự phòng cho các khoản này dựa trên dựa trên thời gian quá hạn thanh toán quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009. OCH tin tưởng việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi là thận trọng và phù hợp với các thông tin mà OCH có được tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

b. “Tại ngày 30/06/2017, Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang cho Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Tràng Tiền Nha Trang với số tiền gốc là: 162.200.000.000 VND và lãi phát sinh tương ứng là 35.552.260.551 VND. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban lãnh đạo Công ty TNHH MTV Sao hôm Nha Trang đang làm việc để thu hồi

180  
CÔNG  
CỔ  
CH SÃ  
ĐẠI  
ĐÌNH

khoản gốc và lãi phải thu nêu trên. Theo đó, chúng tôi chưa có đủ bằng chứng thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi khoản này cũng như không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không. Chi tiết xem thuyết minh số 07 và số 08 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất”.

**Giải trình của OCH:** OCH và Sao Hôm Nha Trang vẫn đang tiếp tục thực hiện các biện pháp để đôn đốc, thu hồi khoản tiền gốc và lãi này từ Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Tràng tiền Nha. Đối tác này vẫn đang hoạt động sản xuất kinh doanh và thể hiện trách nhiệm đối với các khoản công nợ này. Do đó, Ban điều hành Công ty con của Công ty, tin tưởng rằng khoản phải thu trên có thể thu hồi được toàn bộ và không có dấu hiệu của việc suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo.

- c. "Tại ngày 30/06/2017, Công ty mẹ và các Công ty con đang trình bày khoản Cho vay ngắn hạn, Phải thu khác và khoản Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác sau khi trích lập dự phòng là 217.920.801.814 VND (Chi tiết tại Thuyết minh số 04d (i), Thuyết minh số 06 (i), Thuyết minh số 07 (2) và Thuyết minh số 08 (i) của Báo cáo tài chính hợp nhất. Hiện tại, Công ty chưa thu thập được căn cứ để xác định số dự phòng cần trích lập. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể xác định liệu có phải cần thiết điều chỉnh số dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư này trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty hay không”.

**Giải trình của OCH:** OCH và công ty con vẫn đang tiếp tục thực hiện các biện pháp để đôn đốc, thu hồi các khoản hỗ trợ vốn này và thực hiện các thủ tục đòi nợ theo quy định của pháp luật. Các đối tác này vẫn đang có các hoạt động sản xuất kinh doanh và thể hiện trách nhiệm thanh toán đối với các khoản công nợ này. Tại thời điểm 30/06/2017, OCH và công ty con đã tiến hành trích lập dự phòng cho các khoản này dựa trên dựa trên thời gian quá hạn thanh toán quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009. OCH và công ty con đánh giá thận trọng theo Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 dựa trên BCTC chưa được kiểm toán và các thông tin khác có liên quan đến các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác để tiến hành trích lập dự phòng. Đồng thời, tại ngày lập báo cáo hợp nhất các công ty con của OCH vẫn chưa thu thập được báo cáo tài chính của một số bên nhận đầu tư làm căn cứ đánh giá trích lập dự phòng. OCH và công ty con tin tưởng việc trích lập dự phòng là thận trọng và phù hợp với các thông tin mà OCH và công ty con có được tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

## 1.2 Ý kiến nhấn mạnh:

“Tại thời điểm 30/06/2017, Công ty CP Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư (IOC) - Công ty con của Công ty có các khoản nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn và lỗ lũy kế lớn có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của IOC. Tuy nhiên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2017 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục của IOC do Ban Giám đốc Công ty IOC tin tưởng rằng sẽ cơ cấu lại thời hạn trả nợ với tổ chức tín dụng dựa trên nguồn thu của hoạt động kinh doanh và tiếp tục nhận được sự hỗ trợ của cổ đông, nhà đầu tư. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này”.

**Giải trình của OCH:** Hiện tại, hoạt động của Công ty CP Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển đầu tư (IOC) vẫn đang diễn ra bình thường, khoản nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn và lỗ lũy kế là liên quan đến việc phát hành trái phiếu, không có tài sản đảm bảo cho Maritime bank. Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh của công ty vẫn dương và doanh thu ổn định tăng trưởng qua các năm. Ban Tổng Giám đốc Công ty OCH và IOC tin tưởng rằng sẽ cơ cấu lại thời hạn trả nợ với tổ chức tín dụng dựa trên nguồn thu của hoạt động kinh doanh và tiếp tục nhận được sự hỗ trợ của cổ đông, nhà đầu tư nên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2017 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục của IOC.



## 2. Báo cáo tài chính riêng:

Các ý kiến ngoại trừ và vấn đề khác được giải trình tương tự như các giải trình đối với báo cáo tài chính hợp nhất.

Trên đây là những nội dung giải trình về KQKD trên Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất kỳ bán niên năm 2017 đã được soát xét của Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương.

Rất mong nhận được sự quan tâm giúp đỡ và hợp tác của Quý Cơ quan.

Trân trọng cảm ơn!

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

**TM. CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ  
DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG**

**Tổng Giám Đốc**



**Nguyễn Thị Lan Hương**